

Số: **67** /CHP-KD

Hải Phòng, ngày **06** tháng **01** năm **2017**

V/v ban hành cơ chế giá năm 2017.

Kính gửi: - Các đại lý tàu/chủ tàu
- Các hãng tàu container
- Các khách hàng

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính trong đó quy định cụ thể đối tượng khách hàng, nhóm khách hàng, mức chiết khấu, giảm giá đảm bảo phù hợp với pháp luật về thương mại và pháp luật về cạnh tranh;

Căn cứ kết quả thực hiện hợp đồng trên cơ sở sản lượng, doanh thu năm 2016 của các khách hàng, đại lý tàu/chủ tàu qua Cảng Hải Phòng;

Căn cứ giá thành năm 2017;

Căn cứ tình hình thị trường;

Để thu hút Chủ tàu, Chủ hàng đưa hàng về Cảng Hải Phòng trong tình hình thị trường cạnh tranh hiện nay. Đồng thời để đảm bảo các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận năm 2017. Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng ban hành cơ chế giá dịch vụ áp dụng cho năm 2017 như sau:

A – HÀNG CONTAINER:

1. Khách hàng kim cương:

Tiêu chí đạt sản lượng từ 200.000 Teus trở lên

- Cam kết ưu tiên cầu số 01 tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ khi tàu cập cảng
- Cơ chế giá:

+ Giá cước dịch vụ bốc xếp theo mức sản lượng:

Mức 1: Từ 85.000 Teu trở xuống:

Mức 2: Từ 85.001 đến 130.000 Teus

Mức 3: Từ 130.001 đến 210.000 Teus

Mức 4: Từ 210.001 trở đi

Trường hợp tổng sản lượng 2017 đạt từ 280.000 TEU trở lên, giảm 0,50 USD/TEU cho tổng sản lượng cả năm 2017.

- + Giá cước dịch vụ tàu lai: áp dụng cơ chế giá như Hợp đồng năm 2016 .
- + Miễn cước buộc/cởi dây, cước giao nhận, cước đóng/mở nắp hầm hàng, cước chằng buộc container, cước chằm bay
- + Miễn cước nâng/hạ, vận chuyển container để phục vụ vệ sinh, sửa chữa cont
- + Áp dụng giá cước tính khoán đối với dịch vụ vệ sinh container.
- + Chấp thuận các yêu cầu của Hãng tàu đối với các tàu phụ vệ sinh, sửa chữa container.
- + Áp dụng thời gian miễn lưu (free pool): 2.000 Teus/ngày.
- + Miễn, giảm cước lưu kho bãi đối với hàng tồn đọng khi phải xử lý theo Thông tư 203 của Bộ Tài Chính.

- Bố trí khu vực bãi riêng tập kết container riêng cho Hãng tàu
- Cam kết về năng suất xếp/dỡ, chất lượng giao nhận.
- Chấp thuận các yêu cầu của Hãng tàu về việc không gửi bản lược khai hàng hóa (Manifest), áp dụng hệ thống quản lý container lạnh từ xa; giao nhận vỏ container qua email; tiến tới nhận chỉ, tờ khai hải quan; kết nối EDI theo yêu cầu của hãng tàu 02h/lần .

2. Khách hàng vàng:

Tiêu chí sản lượng từ 150.000 Teus đến dưới 200.000 Teus

- Cảng đảm bảo thu xếp cầu bến tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ.
- Cơ chế giá:
 - + Giá cước dịch vụ bốc xếp: giảm theo mức sản lượng
 - Mức 1: Từ 75.000 Teus trở xuống
 - Mức 2: Từ 75.001 Teus trở lên
- Trường hợp tổng sản lượng từng chuyến tàu tập kết tại Cảng đạt từ 70% trở lên (áp dụng cho cả container vỏ lẫn hàng của Công ty), giảm 01 USD/cont hàng và 0,5 USD/cont rỗng.
 - + Miễn cước giao nhận, cước đóng/mở nắp hầm hàng, cước chằng buộc container; cước tàu lai hỗ trợ và buộc/cởi dây khi tàu thực hiện quay trở; cước chằm bay
 - + Áp dụng giá cước lumpsum cho dịch vụ tàu lai hỗ trợ như HĐ năm 2016
 - + Miễn cước vận chuyển container hàng đóng tại Chùa Vẽ và xuất tàu tại Tân Vũ 100 container/tuần.
 - + Miễn phí thực hiện thu gom vỏ container Flat Rack tại bãi trước khi xếp xuống tàu
 - + Miễn phí dịch vụ cân cont hàng.
 - + Miễn, giảm cước lưu kho bãi đối với hàng tồn đọng khi phải xử lý theo Thông tư 203 của Bộ Tài Chính.
- Bố trí khu vực bãi riêng tập kết container cho Hãng tàu.
- Cam kết về năng suất xếp/dỡ, chất lượng giao nhận.

3. Khách hàng bạc:

Tiêu chí đạt sản lượng từ 100.000 Teus đến dưới 150.000 Teus

- Cảng đảm bảo thu xếp cầu bến tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ.
- Cơ chế giá:
 - + Giá cước dịch vụ bốc xếp: giảm theo mức sản lượng
 - + Giá cước dịch vụ tàu lai: áp dụng cơ chế giá như HĐ năm 2016.
 - + Miễn cước giao nhận, cước đóng/mở nắp hầm hàng, cước chằng buộc container, cước chằm bay.
 - + Bố trí khu vực bãi riêng tập kết container riêng cho Hãng tàu.
 - + Miễn phụ thu cước bốc xếp đối với container nặng trên 40 tấn.
 - + Áp dụng chính sách thuê bãi theo giá khoán đối với container của Hãng tập kết tại bãi cảng.
 - + Miễn, giảm cước lưu kho bãi đối với hàng tồn đọng khi phải xử lý theo Thông tư 203 của Bộ Tài Chính.
 - + Cung cấp dịch vụ đại lý cho Hãng tàu với đơn giá cạnh tranh, miễn phí cho chuyển đầu tiên trong tuần.

+ Cung cấp dịch vụ vệ sinh, sửa chữa container tại bãi cảng. Miễn cước nâng/hạ, vận chuyển cont để phục vụ vệ sinh, sửa chữa cont.

- Cam kết về năng suất xếp/dỡ, chất lượng giao nhận.

B – HÀNG NGOÀI CONTAINER

I. Nhóm đại lý dịch vụ tàu

1.1. Khách hàng kim cương: Tiêu chí đạt doanh thu 2016 từ 50 tỷ đồng trở lên

+ Giá xếp dỡ hàng Liner:

Doanh thu dưới 5 tỷ đồng: Giảm 15% biểu giá hiện hành

Doanh thu từ 5 tỷ đồng trở lên : Giảm 20% biểu giá hiện hành

+ Giá dịch vụ tàu lai: áp dụng giá như HĐ năm 2016;

+ Hàng sắt thép: Giá xếp dỡ tại vùng nước (bằng cần cầu tàu): 0,58 USD/tấn

Đối với một số mặt sắt thép khác như hàng ống nhỏ, sắt ray dài dưới 25m có sản lượng không quá 10% tổng sản lượng hàng toàn tàu: giá xếp dỡ tại vùng nước (cầu tàu) tính bằng với giá cước xếp dỡ hàng sắt thép thông thường.

+ Hàng gỗ cây: Giá xếp dỡ tại vùng nước (bằng cần cầu tàu): 2,20 USD/tấn

Giá xếp dỡ trong cầu cảng(sà lan chuyển tải): 2,00 USD/tấn

1.2. Khách hàng vàng: Tiêu chí đạt doanh thu 2016 từ 20 tỷ đến dưới 50 tỷ đồng

+ Giá xếp dỡ hàng Liner:

Doanh thu dưới 5 tỷ đồng: Giảm 10% biểu giá hiện hành

Doanh thu từ 5 tỷ đồng trở lên : Giảm 15% biểu giá hiện hành

+ Giá dịch vụ tàu lai: Giảm 20% biểu giá hiện hành;

+ Hàng sắt thép: Giá xếp dỡ tại vùng nước (bằng cần cầu tàu): 0,61 USD/tấn

+ Hàng gỗ cây: Giá xếp dỡ tại vùng nước (bằng cần cầu tàu): 2,50 USD/tấn

Giá xếp dỡ trong cầu cảng(sà lan chuyển tải): 2,30 USD/tấn

1.3. Khách hàng bạc: Tiêu chí đạt doanh thu 2016 từ 10 tỷ đến dưới 20 tỷ đồng

+ Giá xếp dỡ hàng Liner:

Doanh thu dưới 5 tỷ đồng: Giảm 08% biểu giá hiện hành

Doanh thu từ 5 tỷ đồng trở lên : Giảm 12% biểu giá hiện hành

+ Giá dịch vụ tàu lai: Giảm 15% biểu giá hiện hành;

+ Hàng sắt thép: Giá xếp dỡ tại vùng nước (bằng cần cầu tàu): 0,70 USD/tấn

+ Hàng gỗ cây: Giá xếp dỡ tại vùng nước ((bằng cần cầu tàu): 2,70 USD/tấn

Giá xếp dỡ trong cầu cảng(sà lan chuyển tải): 2,50 USD/tấn

1.4. Khách hàng thường: Tiêu chí đạt doanh thu 2016 dưới 10 tỷ đồng

+ Doanh thu từ 3 tỷ đồng trở xuống: Giảm 05% biểu giá hiện hành

+ Doanh thu trên 3 tỷ đến 6 tỷ đồng: Giảm 08% biểu giá hiện hành

+ Doanh thu trên 6 tỷ đến dưới 10 tỷ đồng: Giảm 12 % biểu giá hiện hành.

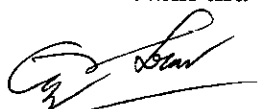
II. Nhóm khách hàng trả cước theo điều kiện FO

1.1. Khách hàng kim cương: Tiêu chí đạt doanh thu 2016 từ 50 tỷ đồng trở lên

Hàng sắt thép, thiết bị:

- Doanh thu dưới 05 tỷ đồng: Giảm 05% biểu giá hiện hành

- Doanh thu từ 05 tỷ đến dưới 25 tỷ đồng: Giảm 10% biểu giá hiện hành



- Doanh thu từ 25 tỷ đồng trở lên: Giảm 15 % biểu giá hiện hành.
- Miễn lưu bãi 15 ngày.

1.2. Khách hàng vàng: Tiêu chí đạt doanh thu 2016 từ 20 tỷ đến dưới 50 tỷ đồng

a/ Hàng sắt thép, thiết bị:

- Doanh thu dưới 5 tỷ đồng: Giảm 05% biểu giá hiện hành
- Doanh thu từ 5 tỷ đến dưới 20 tỷ đồng: Giảm 08% biểu giá hiện hành
- Doanh thu từ 20 tỷ đồng trở lên: Giảm 10 % biểu giá hiện hành.
- Miễn lưu bãi 10 ngày.

b/ Hàng lưu huỳnh rời:

- Xếp dỡ các chiều tác nghiệp (trừ tác nghiệp Tàu ↔ Sà lan tại khu vực vùng nước):
 - + Từ 30.000 tấn trở xuống: Tàu/sà lan ↔ Đi thẳng: 32.000 đồng/tấn.
Tàu/ Sà lan ↔ Bãi: 30.000 đồng/tấn.
Bãi ↔ Toa xe: 30.000 đồng/tấn.
 - + Từ 30.001 đến 60.000 tấn: Giảm 05% giá xếp dỡ trên.
 - + Từ 60.001 đến 100.000 tấn: Giảm 10% giá xếp dỡ trên.
 - + Từ 100.001 đến 200.000 tấn: Giảm 12% giá xếp dỡ trên.
 - + Từ 200.001T trở lên: Giảm 15% giá xếp dỡ mức trên .

- Lưu bãi: Miễn lưu bãi 07 ngày, từ ngày thứ 8 trở đi tính giá lưu bãi theo 01 mức giá (mốc 1 của biểu giá hiện hành)

c/ Hàng phân bón, muối công nghiệp bao, bịch:

- Từ 30.000 tấn trở xuống: Theo biểu giá hiện hành
- Từ 30.001 đến 50.000 tấn: Giảm 05% giá xếp dỡ biểu giá hiện hành
- Từ 50.001 trở lên: Giảm 08% giá xếp dỡ biểu giá hiện hành

1.3. Khách hàng bạc: tiêu chí đạt doanh thu 2016 từ 10 tỷ đến dưới 20 tỷ đồng

a/ Hàng sắt phế liệu rời sử dụng ngoại, cơ giới xếp dỡ:

- Từ 50.000 tấn trở xuống: Giảm 08% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành
- Từ tấn thứ 50.001 đến 250.000 tấn: Giảm 12% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành
- Từ tấn thứ 250.001 trở đi: Giảm 15% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành

b//Hàng sắt thép:

- Giảm 10% giá xếp dỡ biểu giá hiện hành từ tấn hàng đầu tiên.

c/ Hàng thức ăn gia súc rời:

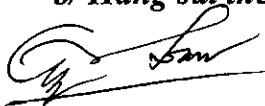
- Xếp dỡ tại vùng nước bằng cần cầu tàu : 23.000 đồng/tấn
- Xếp dỡ, đóng gói trong cầu cảng: Giảm 08% biểu giá hiện hành.

1.4. Khách hàng thường: Tiêu chí đạt doanh thu 2016 dưới 10 tỷ

a/ Hàng sắt thép:

- Từ 30.000 tấn trở xuống: Giá theo biểu giá hiện hành.
- Từ tấn thứ 30.001 đến 60.000 tấn: Giảm 05% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành
- Từ tấn thứ 60.001 đến 100.000 tấn: Giảm 10% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành
- Từ tấn thứ 100.001 đến 200.000 tấn: Giảm 12% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành
- Từ tấn thứ 200.001 trở lên: Giảm 15% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành.

b/ Hàng sắt thép phế liệu:



Từ 50.000 tấn trở xuống: Giá theo biểu giá hiện hành.
Từ tấn thứ 50.001 đến 90.000 tấn: Giảm 05% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành
Từ tấn thứ 90.001 đến 150.000 tấn: Giảm 10% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành
Từ tấn thứ 150.001 trở lên: Giảm 15% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành.

c/ Hàng thức ăn gia súc:

Từ 30.000 tấn trở xuống: Giá theo biểu giá hiện hành.
Từ tấn thứ 30.001 đến 60.000 tấn: Giảm 05% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành
Từ tấn thứ 60.001 trở lên: Giảm 08% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành

d/ Hàng phân bón:

Từ 30.000 tấn trở xuống: Giá theo biểu giá hiện hành.
Từ tấn thứ 30.001 đến 50.000 tấn: Giảm 05% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành
Từ tấn thứ 50.001 trở lên: Giảm 08% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành

e/ Hàng quặng rôi; than rôi:

Từ 20.000 tấn trở xuống: Theo biểu giá hiện hành.
Từ tấn thứ 20.001 đến 50.000 tấn: Giảm 05% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành
Từ tấn thứ 50.001 trở lên: Giảm 10% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành

C- CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC

1. Hàng Apatit rôi:

Do giá trị hàng thấp và để thu hút có thể xem xét giảm 10% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành.

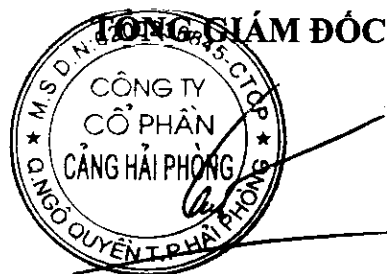
2. Hàng thạch cao rôi và thạch cao tấm, kiện, pallet:

- Hàng thạch cao rôi: Giảm 10% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành
- Hàng thạch cao thạch cao tấm, kiện, pallet: Giảm 05% giá xếp dỡ của biểu giá hiện hành.

Trên đây là các mức chiết khấu khung áp dụng chung trong toàn Công ty. Trường hợp các mặt hàng không nêu trên, các dịch vụ mà mức chiết khấu ngoài khung, đề nghị các khách hàng, đại lý tàu/ chủ tàu, các Hãng tàu container, các đơn vị, phòng ban liên quan có văn bản kèm văn bản của khách hàng, đại lý tàu/Hãng tàu gửi phòng Kinh Doanh để phòng Kinh doanh tổng hợp báo cáo xin ý kiến Tổng Giám đốc xem xét quyết định cho từng trường hợp cụ thể đảm bảo phù hợp với thị trường.

Nơi nhận:

- Như trên
- Chữ tịch HĐQT(để báo cáo);
- Ban Điều hành(để phối hợp);
- Các Cty con, các chi nhánh
- Các Phòng, ban nghiệp vụ
- Lưu: VT, KD.



Nguyễn Hùng Việt

